

Bản án số: 87/2022/KDTM-ST
Ngày: 26 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hữu Phước
2. Bà Đoàn Thị Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2022/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH K

Trụ sở: B đường Đ, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; trú tại: C đường số D, khu phố J, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 5 năm 2019) có mặt phiên tòa ngày 25/8/2022, vắng mặt khi tuyên án ngày 26/8/2022.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần V

Trụ sở: C đường H, Phường J, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thị Phượng V1; trú tại: D đường Th, Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 17/12/2021 và ngày 10/01/2022) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Kim Ph; trú tại: C đường Th, Phường O, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Tường (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn là Công ty TNHH K và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T đều trình bày: Ngày 12/3/2019, Công ty Cổ phần V (Bên giao thi công - Bên A), (gọi tắt là V) ký Hợp đồng xây dựng số 01/HĐ-XD với Công ty TNHH K (Bên nhận thi công - Bên B), (gọi tắt là Công ty Kh). Theo hợp đồng này, Công ty Kh nhận thi công xây dựng showromm tóc của V tại địa chỉ: M I, Phường P, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thi công là 55 ngày; tổng giá trị hợp đồng là 1.864.108.000 đồng (Một tỷ tám trăm sáu mươi bốn triệu một trăm lẻ tám ngàn) đồng, chưa bao gồm 10% thuế VAT. Hình thức giao thầu trọn gói. Phương thức bên A thanh toán làm 05 đợt:*

Đợt 1: 20% giá trị hợp đồng trong vòng 02 ngày sau khi ký kết hợp đồng là 372.822.000 đồng.

Đợt 2: 30% giá trị hợp đồng sau khi đổ bê tông móng, đà kiềng và đà giằng 559.232.000 đồng.

Đợt 3: 30% giá trị hợp đồng sau khi đổ bê tông sàn lầu 1 (tầng trệt) 559.232.000 đồng.

Đợt 4: 15% giá trị hợp đồng sau khi đổ nghiệm thu công trình 279.616.000 đồng.

Đợt 5: 5% giá trị hợp đồng bảo hành công trình 93.206.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Kh đã xây dựng xong giai đoạn 3 của showromm tóc (theo Biên bản nghiệm thu tháng 4/2019 có xác nhận của giám sát bên A). Tuy nhiên, V mới chỉ thanh toán cho Công ty Kh số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại V chưa thanh toán là 409.232.000 đồng. Công ty Kh xác nhận V đã thanh toán cho Công ty Kh tổng cộng số tiền 1.082.054.000 đồng. Do V vi phạm hợp đồng hai bên đã ký kết nên Công ty Kh đã ngưng thi công giai đoạn 4 để tránh việc bị thiệt hại, đồng thời khởi kiện yêu cầu V phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Kh số tiền 409.232.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty Kh rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty Cổ phần V về việc đòi V thanh toán số tiền 409.232.000 đồng. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn với lý do Công ty Kh không thừa nhận chữ ký và con dấu trong Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 do phía bị đơn giao nộp là của Công ty TNHH K và ông Huỳnh Duy Thiên (người đại diện theo pháp luật của Công ty Kh), nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký và con dấu trên.

** Trong văn bản phản tố ngày 29 tháng 6 năm 2021, bị đơn Công ty Cổ phần V và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người*

đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Ngô Thị Phụng V1 đều trình bày: Công ty Cổ phần V thừa nhận trình bày của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng xây dựng số 01/HĐ-XD ngày 12/3/2019. Tuy nhiên, do phía Công ty Kh đã không thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết nên hai bên đã thống nhất chấm dứt hợp đồng. Tại Biên bản cuộc họp 04 bên ngày 28/5/2019, gồm có: Công ty Cổ phần V (Bên A- Bên giao thi công), Công ty Kh (Bên B- Bên nhận thi công), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trương Gia (Bên C- Tư vấn giám sát) và Công ty Xây dựng Như Phát, ông Trương Văn Hưng (Bên D- Tư vấn giám sát độc lập) thì V và Công ty Kh cùng thống nhất với những nội dung sau: “1. Công ty Kh đã thực hiện sai theo các yêu cầu kỹ thuật và nội dung của hợp đồng đã ký với V. 2. Công ty Kh đồng ý các sai phạm. 3. Công ty Kh và V tiến hành nghiệm thu hiện trạng công trình tính đến ngày 28/5/2019. 4. V đồng ý thanh toán các hạng mục nghiệm thu được các bên thống nhất. Trường hợp V thanh toán dư, Công ty Kh có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ chi phí cho V trong vòng 15 ngày. 6. Thống nhất số tiền được nghiệm thu tại công trình là 514.455.000 đồng. Tổng số tiền V đã thanh toán: 1.082.054.000 đồng. Số tiền Công ty Kh phải hoàn trả: 567.599.000 đồng. 7. Hình thức thanh toán: Công ty Kh có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền này làm 02 đợt: đợt 1 thanh toán 50% trước ngày 04/6/2019 và đợt 2 thanh toán 50% còn lại trước ngày 11/6/2019. Chậm thanh toán Công ty Kh phải chịu phạt 1%/ngày trên giá trị hợp đồng đã ký ngày 12/3/2019”. Như vậy, Công ty Kh đã thừa nhận tổng số tiền đã nhận của Đợt 1, Đợt 2 và một phần Đợt 3 từ V là: 372.822.000 đồng + 559.232.000 đồng + 150.000.000 đồng = 1.082.054.000 đồng. Số tiền này hoàn toàn phù hợp với nội dung các bên xác nhận trong Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019. Do đó, việc Công ty Kh khởi kiện đòi V trả số tiền 409.232.000 đồng là không có căn cứ. Như vậy, Công ty Kh còn phải hoàn trả lại cho V số tiền 567.599.000 đồng, nhưng đến nay Công ty Kh vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này. V có đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, yêu cầu Công ty Kh phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho V số tiền đã nhận 567.599.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín ngàn) đồng theo Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 và thanh toán tiền lãi tính từ ngày 11/6/2019 tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Do tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên V không có ý kiến đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu nên Luật sư không có ý kiến. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần V, tại biên bản cuộc họp công khai ngày 28/5/2019 đều có chữ ký và con dấu của ông Huỳnh Duy Thiên (là người đại diện theo pháp luật của Công ty Kh). Đại diện nguyên đơn phủ nhận việc này Luật sư không đồng ý, tại biên bản cuộc họp này nguyên đơn đã xác nhận phải hoàn trả cho bị đơn số tiền 567.599.000 đồng. Vì vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án

nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên vi phạm này không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát chỉ kiến nghị để Tòa án rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu nguyên đơn đã rút, thay đổi địa vị tố tụng nguyên đơn trở thành bị đơn. Về yêu cầu phản tố của bị đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần V; buộc Công ty Kh phải trả cho V số tiền nợ gốc 567.599.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 11/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là Công ty Kh) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là V) thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng xây dựng đã ký kết. Bị đơn V đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, yêu cầu Công ty Kh phải hoàn trả cho V số tiền đã nhận theo biên bản cuộc họp giữa các bên. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng xây dựng phát sinh trong hoạt động đầu tư xây dựng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ 107 đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thay đổi địa vị tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH K rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty Cổ phần V, xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 217, **khoản 2 Điều 219** và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

Do vụ án có yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần V. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự, thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự như sau: Bị đơn - Công ty Cổ phần

V trở thành nguyên đơn và nguyên đơn - Công ty TNHH K (người bị khởi kiện theo yêu cầu phản tố) trở thành bị đơn.

[1.3] Về tư cách đương sự, tính hợp lệ của đại diện hợp pháp của đương sự: Hồ sơ thể hiện V có văn bản ủy quyền cho bà Phạm Thị Kim Ph làm đại diện (Giấy ủy quyền ngày 13 tháng 4 năm 2021). Tuy nhiên, ngày 16/12/2021 V có thông báo gửi Tòa án về việc chấm dứt ủy quyền đối với bà Phạm Thị Kim Ph; đồng thời V có văn bản ủy quyền lại cho bà Ngô Thị Phụng V1 làm đại diện để tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền ngày 17/12/2021 và 10/01/2022). Do đó, Tòa án tiến hành triệu tập bà Ngô Thị Phụng V1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của V là đúng quy định.

[1.4] Trong vụ án này các bên đương sự chỉ tranh chấp về giá trị thanh quyết toán (nghĩa vụ thanh toán tiền) theo hợp đồng ký kết; không tranh chấp về quá trình thi công, về khối lượng, chất lượng hạng mục, tiến độ, các khoản bảo hành, bảo hiểm cũng như giá trị hợp đồng do Công ty Kh thực hiện. Ngoài ra, hợp đồng chỉ có hai bên là V và Công ty Kh ký kết và tại phiên tòa hai bên đều xác nhận giữa các bên đã chấm dứt Hợp đồng xây dựng số: 01/HĐ-XD từ ngày 28/5/2019. Vì vậy, không thể xác định Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trương Gia (đơn vị tư vấn giám sát), Công ty Xây dựng Như Phát và ông Trương Văn Hưng (tư vấn giám sát độc lập) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[1.5] Về trình tự thủ tục hòa giải: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của V đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây được coi là trường hợp vụ án kinh doanh thương mại không tiến hành hòa giải được.

[1.6] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh thông tin lãi suất quá hạn của ngân hàng tại địa phương. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của V buộc Công ty Kh hoàn trả số tiền 567.599.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín ngàn) đồng và thanh toán tiền lãi từ ngày 11/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hình thức, thẩm quyền giao kết hợp đồng: V giao kết hợp đồng với Công ty Kh thông qua người đại diện theo pháp luật của công ty, hợp đồng được giao kết bằng văn bản, dựa trên sự tự nguyện của các bên nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 138 và Điều 141 Luật xây dựng năm 2014. Mục đích và nội dung của giao kết trên cơ sở bình đẳng, hợp tác, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ để xác lập các

quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 139 Luật xây dựng năm 2014.

[2.2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Giữa V và Công ty Kh có giao kết Hợp đồng xây dựng số: 01/HĐ-XD ngày 12/3/2019. Theo đó, Công ty Kh nhận thi công xây dựng Hệ thống Salon Tóc Spa Nail Vissa tại địa chỉ: 99 Phan Huy Ích, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cho chủ đầu tư V, với thời hạn thi công là 55 ngày; tổng giá trị hợp đồng được các bên xác định là 1.864.108.000 đồng (chưa bao gồm 10% thuế VAT). Hình thức giao thầu trọn gói. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Kh đã thi công một số hạng mục như đổ bê tông, đà kiềng và đổ bê tông sàn tầng 1 được thể hiện tại các Biên bản nghiệm thu tháng 4/2009 (có đại diện đơn vị tư vấn giám sát là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trương Gia ký xác nhận), điều này cũng đã được đại diện V thừa nhận. Theo đại diện V, căn cứ vào Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 thể hiện các bên đã nghiệm thu khối lượng công trình hệ thống Salon Tóc Spa Nail Vissa tại số 99 Phan Huy Ích do Công ty Kh đã thi công, sau khi đối trừ tiền tạm ứng trước đó thì Công ty Kh còn phải hoàn trả cho V số tiền 567.599.000 đồng, nhưng đến nay Công ty Kh vẫn không thực hiện. Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu buộc Công ty Kh phải hoàn trả cho V số tiền nêu trên và thanh toán tiền lãi từ ngày 11/6/2019 tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Tại phiên tòa đại diện Công ty Kh cho rằng chữ ký và con dấu trong tài liệu là Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 do phía V xuất trình không phải là của Công ty TNHH K và ông Huỳnh Duy Thiên (người đại diện theo pháp luật của Công ty Kh) và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của V.

[2.3] Xét yêu cầu của V buộc Công ty Kh hoàn trả số tiền 567.599.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín ngàn) đồng, thấy rằng:

Theo Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 giữa V (Bên A - Bên giao thi công), Công ty Kh (Bên B - Bên nhận thi công), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trương Gia (Bên C - Tư vấn giám sát) và Công ty Xây dựng Như Phát, ông Trương Văn Hưng (Bên D - Tư vấn giám sát độc lập) thể hiện Công ty Kh đã thừa nhận thực hiện sai theo các yêu cầu kỹ thuật và nội dung của hợp đồng ký với V, các bên thống nhất tổng số tiền được nghiệm thu tại công trình là 514.455.000 đồng, Công ty Kh còn phải hoàn trả cho V số tiền 567.599.000 đồng và cam kết sẽ trả cho V thành 02 đợt, cụ thể: đợt 1 thanh toán 50% trước ngày 04/6/2019 và đợt 2 thanh toán 50% còn lại trước ngày 11/6/2019 nhưng sau đó Công ty Kh không thực hiện. Như vậy, có thể thấy trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Kh là đơn vị nhận thi công xây dựng showromm tóc đã không tuân thủ đúng các nội dung của hợp đồng ký kết về các yêu cầu kỹ thuật và nội dung hợp đồng, đã vi phạm Điều 2, Điều 4, Điều 7 Hợp đồng xây dựng số 01 và điểm a, c khoản 2 Điều 113 Luật xây dựng năm 2014.

Về giá trị V đã thanh toán: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Công ty Kh thừa nhận V đã thanh toán tổng cộng số tiền 1.082.054.000 đồng như đại diện V trình bày. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết,

sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, khẳng định Công ty Kh đã nhận của V số tiền 1.082.054.000 đồng từ Hợp đồng xây dựng số 01 là có thật và sau khi đối trừ số tiền V đã ứng trước, Công ty Kh còn phải trả lại cho V số tiền 567.599.000 đồng, nhưng đến nay Công ty Kh không thực hiện. Phía Công ty Kh cho rằng Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 là không có thật, chữ ký và con dấu tại mục “*Bên B - Trang 2*” Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 không phải của Công ty TNHH K và ông Huỳnh Duy Thiên (người đại diện theo pháp luật của Công ty Kh) và Công ty Kh không chấp nhận biên bản này. Tuy nhiên, phía đại diện Công ty Kh cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định đối với chữ ký và con dấu trên; đồng thời phía Công ty Kh không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh là bị lừa dối, bị đe dọa, cưỡng ép trái ý muốn nên cần xác định đây là sự kiện có thật được các bên thừa nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đại diện V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của V yêu cầu Công ty Kh hoàn trả lại số tiền 567.599.000đ (Năm trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm chín mươi chín ngàn) đồng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 3.4 Điều 3 Hợp đồng xây dựng số 01 và mục 6, mục 7 Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu buộc Công ty Kh trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất 10%/năm trên số tiền 567.599.000 đồng từ ngày 11/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy, Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019 giữa V và Công ty Kh có nội dung thỏa thuận liên quan đến hoạt động xây dựng, được xác lập trên cơ sở Hợp đồng xây dựng số 01/HĐ-XD ngày 12/3/2019. Mặc dù trong hợp đồng không có điều khoản thỏa thuận trong trường hợp Công ty Kh vi phạm thì phải trả lãi cho V, nhưng tại mục 7 Biên bản cuộc họp ngày 28/5/2019, các bên thỏa thuận “*Hình thức thanh toán: Bên B có trách nhiệm hoàn thành 2 đợt: Đợt 1 thanh toán 50% trước ngày 04/6/2019. Đợt 2 thanh toán 50% còn lại trước ngày 11/6/2019. Chậm thanh toán bên B phải chịu phạt 1%/ngày trên giá trị hợp đồng đã ký ngày 12/3/2019*”. Như vậy, khi Công ty Kh chậm thanh toán số tiền 567.599.000 đồng cho V thì Công ty Kh phải chịu phạt vi phạm trên số tiền này. Về mức phạt vi phạm, thấy rằng tại khoản 1 Điều 146 Luật xây dựng năm 2014 quy định về thưởng, phạt hợp đồng xây dựng như sau: “*1. Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng*”. Khoản 1 Điều 138 Luật xây dựng năm 2014 quy định về hợp đồng xây dựng: “*1. Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng*”. Trường hợp này, cần xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến lĩnh vực xây dựng, nên cần áp dụng pháp luật xây dựng; tuy nhiên do pháp luật xây dựng không quy định giới hạn mức trần phạt vi phạm hợp đồng, vì vậy áp dụng Bộ luật dân sự để giải quyết.

Khoản 1 và khoản 2 Điều 418 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về thỏa thuận phạt vi phạm như sau: “*1. Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi*

phạm. 2. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận, trừ trường hợp luật liên quan có quy định khác”. Đối chiếu với quy định trên, việc các bên thỏa thuận trong trường hợp Công ty Kh chậm thanh toán số tiền 567.599.000 đồng thì phải chịu phạt 1%/ngày là phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự, vì vậy cần phải tôn trọng quyền tự do cam kết, thỏa thuận của các bên; tuy nhiên xét thấy V chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tức 0,83%tháng thấp hơn mức phạt vi phạm mà các bên thỏa thuận. Ngoài ra, về thời gian tính lãi V chỉ yêu cầu tính từ 11/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, đối với thời gian từ 04/6/2019 đến 10/6/2019 (của đợt 1 thanh toán 50% Công ty Kh chậm thanh toán) thì V không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của V, có lợi cho Công ty Kh, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận, cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 11/6/2019 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (26/8/2022) là 38 tháng 15 ngày: $567.599.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 38 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 181.376.261\text{đ}$ (Một trăm tám mươi một triệu ba trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng.

Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi Công ty Kh phải trả là: $567.599.000\text{đ} + 181.376.261\text{đ} = 748.975.261\text{đ}$ (Bảy trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[4.1] Công ty Kh rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với V. Căn cứ khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, hoàn trả lại cho Công ty Kh số tiền 10.184.640đ (Mười triệu một trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0069205 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.2] V yêu cầu Công ty Kh trả số tiền 748.975.261đ (Bảy trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty Kh phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của V được Tòa án chấp nhận là 33.959.010đ (Ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi chín ngàn không trăm mười) đồng.

[4.3] Hoàn trả lại cho V số tiền 15.681.469đ (Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0030659 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1, khoản 5 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; **khoản 2 Điều 219**; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 245; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 418 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 113; Điều 138, Điều 139, Điều 141, Điều 144 và Điều 146 của Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 18 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K về việc đòi Công ty Cổ phần V thanh toán số tiền 409.232.000đ (Bốn trăm lẻ chín triệu hai trăm ba mươi hai ngàn) đồng theo Hợp đồng xây dựng số 01/HĐ-XD ngày 12/3/2019.

2. Thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự như sau:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần V

Bị đơn: Công ty TNHH K

* Tuyên xử:

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần V.

Buộc Công ty TNHH K phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần V số tiền 748.975.261đ (Bảy trăm bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi một) đồng, trong đó nợ gốc: 567.599.000 đồng và khoản tiền lãi chậm thanh toán là 181.376.261 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH K số tiền 10.184.640đ (Mười triệu một trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0069205 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2 Công ty TNHH K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.959.010đ (Ba mươi ba triệu chín trăm năm mươi chín ngàn không trăm mười) đồng.

4.3 Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần V số tiền 15.681.469đ (Mười lăm triệu sáu trăm tám mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi chín) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2021/0030659 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đường sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

